

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2451** /BHXH - DVT
V/v hướng dẫn xây dựng, tổng hợp nhu cầu
mua thuốc tập trung quốc gia đối với thuốc
sử dụng trong lĩnh vực BHYT

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2018

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 07/7/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2016, Công văn số 145/TB-VPCP ngày 18/4/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ chỉ đạo Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam năm 2018 tiếp tục thực hiện đấu thầu thuốc tập trung, ngày 28/5/2018 Bộ Y tế đã có Công văn số 3015/BYT-QLD về Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia năm 2018 do BHXH Việt Nam thực hiện. Để chuẩn bị tổ chức đấu thầu, BHXH Việt Nam yêu cầu BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là BHXH các tỉnh) phối hợp với Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ sở khám chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT) trên địa bàn thực hiện các nội dung sau:

1. Hướng dẫn các cơ sở KCB ký hợp đồng KCB BHYT (bao gồm cả các bệnh viện Bộ/Ngành, cơ sở y tế ngoài công lập) xây dựng kế hoạch sử dụng đối với 20 hoạt chất/thuốc trong danh mục gửi kèm Công văn này.

a) Kế hoạch được xây dựng cho thời gian 24 tháng kể từ ngày 01/01/2019, dựa trên số lượng thực tế sử dụng của năm liền kề, phù hợp với nhu cầu điều trị, mô hình, diễn biến bệnh tật trên địa bàn. Trường hợp nhu cầu sử dụng tăng trên 20% so với năm liền kề cần thuyết minh các lý do cụ thể như: thay đổi chức năng, nhiệm vụ, mô hình bệnh tật thay đổi hoặc tác dụng của thuốc hoặc khả năng cung cấp của nhà thầu trước ...

b) Cơ sở KCB gửi hồ sơ về BHXH tỉnh trước ngày 20/7/2018, hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

- Công văn đề nghị cơ quan BHXH tổ chức đấu thầu trong đó bản cam kết sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc trong kế hoạch đã xây dựng;

- Biên bản họp hội đồng thuốc và điều trị về kế hoạch sử dụng thuốc đấu thầu quốc gia do BHXH Việt Nam thực hiện;

- Mẫu số 01/ĐT in từ phần mềm có ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị,

c) Trường hợp cơ sở KCB không xây dựng nhu cầu kế hoạch sử dụng thuốc hoặc không cam kết sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã lập kế hoạch thì cơ sở KCB tự chịu trách nhiệm về việc đảm bảo cung ứng đủ thuốc cho người bệnh BHYT.

2. Đối với 5 hoạt chất thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung do BHXH Việt Nam thực hiện năm 2018, trường hợp các cơ sở KCB có điều chỉnh kế hoạch sử dụng thì lập riêng mẫu 01/ĐT theo hướng dẫn tại điểm 1 nêu trên.

3. BHXH tỉnh thực hiện các nội dung sau:

- Phối hợp với Sở Y tế thẩm định kế hoạch sử dụng thuốc tại từng cơ sở KCB trên địa bàn (bao gồm cả các cơ sở y tế thuộc Bộ Y tế, các Bộ, ngành quản lý);

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc trên toàn tỉnh chi tiết đến từng thuốc, từng nhóm, tiến độ cung cấp từng quý trong năm 2019 và 2020.

- Gửi văn bản về BHXH Việt Nam và các báo cáo theo mẫu 02/ĐT, mẫu 03/ĐT (kèm theo Công văn này) trước ngày 31/7/2018.

- Lưu trữ toàn bộ hồ sơ hướng dẫn tại tiết b điểm 1 Công văn này, các biên bản thẩm định kế hoạch sử dụng thuốc tại cơ sở y tế.

4. Các vấn đề cần lưu ý trong quá trình xây dựng nhu cầu và thẩm định kế hoạch sử dụng thuốc:

a) Các cơ sở KCB có tỷ lệ sử dụng thuốc Biệt dược gốc năm 2017 cao: đề nghị chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc nhóm 1 thay thế thuốc Biệt dược gốc, giảm từ 5-10% so với số lượng thuốc Biệt dược gốc đã sử dụng năm 2017.

b) Các thuốc có hàm lượng ít cạnh tranh có giá trúng thầu cao hơn hàm lượng tương đương khác (ví dụ: thuốc Cefoxitin 2g, nhóm 3 giá trúng thầu 94.000đ/lọ, cao hơn 4 lần thuốc Cefoxitin 1g, nhóm 3 giá 19.800đ/lọ; thuốc Ciprofloxacin 400mg/200ml, nhóm 1 giá 188.000đ/lọ cao hơn so với thuốc Ciprofloxacin 200mg/100ml, nhóm 1, giá trúng thầu trung bình 52.000đ/lọ,...): BHXH Việt Nam sẽ xây dựng giá kế hoạch hợp lý so với giá thuốc có hàm lượng, nồng độ quy đổi tương đương trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phù hợp giữa các phân nhóm kỹ thuật. Đề nghị cơ sở KCB chủ động tính toán, xây dựng số lượng thuốc phù hợp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu điều trị của cơ sở KCB.

c) Đối với các thuốc không có nhà thầu tham dự đấu thầu tập trung quốc gia (Cefoperazon 0,5g + sulbactam 0,5g, nhóm 1, nhóm 2) và thuốc Rabeprazol 20mg, tiêm, tiêm truyền đã có văn bản của Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế thông báo về tình trạng lưu hành và thông tin về an toàn hiệu quả đối với thuốc (Công văn số 14434/QLD-ĐK ngày 15/9/2017): đề nghị cơ sở KCB lưu ý khi xây dựng nhu cầu sử dụng và có phương án sử dụng các thuốc khác thay thế.

5. Các cơ sở KCB và BHXH các tỉnh sử dụng phần mềm xây dựng kế hoạch và thẩm định nhu cầu sử dụng thuốc do BHXH Việt Nam cung cấp tại địa chỉ <http://dauthaithuoc.baohiemxahoi.gov.vn>. Tài liệu hướng dẫn sử dụng được gửi kèm theo.

Các báo cáo phải được in từ phần mềm, ký, đóng dấu của Giám đốc BHXH tỉnh, gửi bằng văn bản về BHXH Việt Nam (Ban Dược và VTYT); đồng thời đính kèm trên phần mềm để đảm bảo trùng khớp giữa dữ liệu và văn bản.

6. BHXH Việt Nam dự kiến tổ chức và công bố kết quả lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc trước ngày 01/01/2019, kết quả lựa chọn nhà thầu được áp dụng kể từ ngày 01/01/2019. Để đảm bảo đủ thuốc phục vụ công tác KCB trong thời gian chuyển tiếp, việc thanh toán thuốc theo chế độ BHYT đối với các thuốc trong danh mục đấu thầu tập trung quốc gia do cơ quan BHXH tổ chức được thực hiện như sau:

6.1. Đối với các thuốc đã có trong kết quả lựa chọn nhà thầu còn hiệu lực thì cơ sở sử dụng và thanh toán chi phí thuốc đến khi kết quả lựa chọn nhà thầu hết hiệu lực.

6.2. Đối với các cơ sở KCB/địa phương đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Trường hợp các cơ sở KCB/địa phương đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày 20/7/2018: thực hiện thanh toán như hướng dẫn tại Mục 6.1 Công văn này.

- Trường hợp các cơ sở KCB/địa phương phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phát hành hồ sơ mời thầu sau ngày 20/7/2018: giá thuốc thanh toán không vượt quá giá thuốc trúng thầu do BHXH Việt Nam tổ chức đấu thầu.

6.3. Các cơ sở KCB/địa phương xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu sau ngày 20/7/2018 thì chỉ xây dựng số lượng đủ để sử dụng đến ngày 31/12/2018.

Đề nghị BHXH các tỉnh khẩn trương tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về BHXH Việt Nam (Ban Dược và Vật tư y tế hoặc Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến khu vực phía Bắc) để được hướng dẫn giải quyết.//

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ KH-ĐT (để b/c);
- Chủ tịch HĐQL BHXH (để b/c);
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Quân y – BQP; Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế - Bộ Giao thông Vận tải;
- Các đơn vị: TCKT, CSYT, GDB, KHĐT;
- Website BHXH Việt Nam;
- Lưu VT, DVT (5b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Lương Sơn

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ST T	Mã cơ sở KCB	Mã hoạt chất	Tên hoạt chất	Đường dùng	Hàm lượng/nồng độ	Đơn vị tính	Tiêu chí kỹ thuật	Báo cáo thực hiện KQLCNT (chỉ BC đối với KQ còn hiệu lực)					Kế hoạch sử dụng từ 01/01/2019-31/12/2020																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
								Số lượng trứng thần được phân bố	Thời gian áp dụng KQBT (tháng/năm bắt hiệu lực)	Số lượng đa mua	Tồn kho tại thời điểm 31/5/2 018	Số lượng sử dụng năm 2017	Số lượng sử dụng Quý 1/201 8	Tổng số lượng	Quý 1 2019	Quý 2 2019	Quý 3 - 2019	Quý 4 - 2019	Quý 1 - 2020	Quý 2 - 2020	Quý 3 - 2020	Quý 4 - 2020																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
23		40.189	Meropenem	Tiêm	1000 mg	Chai/lọ/túi/ống	Nhóm 3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										

Lưu ý:

- Để đảm bảo chính xác trong khi tổng hợp, yêu cầu sử dụng định dạng unicode, điền thông tin đúng cột, dòng. Nếu không có nhu cầu đề nghị để trống, không thêm hoặc bớt dòng, cột của biểu mẫu;

Giám đốc cơ sở KCB

(ký, ghi rõ họ tên)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ST T	Mã cơ sở KCB	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Đường dùng	Hàm lượng/nồng độ	Đơn vị tính	Tiêu chí kỹ thuật	Báo cáo thực hiện KQLCNT (chỉ BC đối với KQ còn hiệu lực)						Kế hoạch sử dụng từ 01/01/2019-31/12/2020																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
								Số lượng trứng thầu được phân bố	Thời gian áp dụng KQBT (tháng/nă m hết hiệu lực)	Số lượng đã mua	Tồn kho tại thời điểm 31/5/201 8	Số lượng sử dụng năm 2017	Số lượng sử dụng Quý 1/2018	Tổng số lượng	Quý 1 - 2019	Quý 2 - 2019	Quý 3 - 2019	Quý 4 - 2019	Quý 1 - 2020	Quý 2 - 2020	Quý 3 - 2020	Quý 4 - 2020																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
26		40.172	Cefoperazon + sulbactam	Tiêm	500mg + 500mg	Chai/lọ/túi/ô ng	Nhóm 2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															</

Lưu ý: Để đảm bảo chính xác trong khi tổng hợp, yêu cầu sử dụng định dạng unicode, điền thông tin đúng cột, dòng. Nếu không có nhu cầu đề nghị để trống, không thêm hoặc bớt dòng, cột của biểu mẫu;

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ST T	Mã tỉnh	Mã hoạt chất	Tên hoạt chất	Đường dùng	Hàm lượng/nồng độ	Đơn vị tính	Tiêu chí kỹ thuật	Bảo cáo thực hiện KQLCNT (chỉ BC đối với KQ còn)					Kế hoạch sử dụng từ 01/01/2019-31/12/2020											
								Số lượng trúng thầu được phân bổ	Thời gian áp dụng KQBT (tháng/n ăm hết hiệu lực)	Số lượng đã mua	Tồn kho tại thời điểm 31/5/2018	Số lượng sử dụng năm 2017	Số lượng sử dụng Quý 1/2018	Tổng số lượng	Quý 1 2019	Quý 2 2019	Quý 3 2019	Quý 4 2019	Quý 1 2020	Quý 2 2020	Quý 3 2020	Quý 4 2020		
20		40,680	Rabeprazol	Uống	20mg	Viên	3																	
20		40,680	Rabeprazol	Uống	20mg	Viên	4																	
20		40,680	Rabeprazol	Uống	20mg	Viên	5																	
21		40,228	Levofloxacin	Tiêm	500mg	Chai/lọ/túi/ôn	BDG																	
21		40,228	Levofloxacin	Tiêm	500mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 1																	
21		40,228	Levofloxacin	Tiêm	500mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 2																	
21		40,228	Levofloxacin	Tiêm	500mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 3																	
21		40,228	Levofloxacin	Tiêm	500mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 5																	
22		40,189	Meropenem	Tiêm	500mg	Chai/lọ/túi/ôn	BDG																	
22		40,189	Meropenem	Tiêm	500mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 1																	
22		40,189	Meropenem	Tiêm	500mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 2																	
22		40,189	Meropenem	Tiêm	500mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 3																	
23		40,189	Meropenem	Tiêm	1000 mg	Chai/lọ/túi/ôn	BDG																	
23		40,189	Meropenem	Tiêm	1000 mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 1																	
23		40,189	Meropenem	Tiêm	1000 mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 2																	
23		40,189	Meropenem	Tiêm	1000 mg	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 3																	
24		40,183	Ceftriaxon	Tiêm	1g	Chai/lọ/túi/ôn	BDG																	
24		40,183	Ceftriaxon	Tiêm	1g	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 1																	
24		40,183	Ceftriaxon	Tiêm	1g	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 2																	
24		40,183	Ceftriaxon	Tiêm	1g	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 3																	
25		40,168	Cefepim	Tiêm	1g	Chai/lọ/túi/ôn	BDG																	
25		40,168	Cefepim	Tiêm	1g	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 1																	
25		40,168	Cefepim	Tiêm	1g	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 2																	
25		40,168	Cefepim	Tiêm	1g	Chai/lọ/túi/ôn	Nhóm 3																	
26		40,172	Cefoperazon + sulbactam	Tiêm	500mg + 500mg	Chai/lọ/túi/ôn g	BDG																	
26		40,172	Cefoperazon + sulbactam	Tiêm	500mg + 500mg	Chai/lọ/túi/ôn g	Nhóm 1																	
26		40,172	Cefoperazon + sulbactam	Tiêm	500mg + 500mg	Chai/lọ/túi/ôn g	Nhóm 2																	
26		40,172	Cefoperazon + sulbactam	Tiêm	500mg + 500mg	Chai/lọ/túi/ôn g	Nhóm 3																	

Lưu ý: Để đảm bảo chính xác trong khi tổng hợp, yêu cầu sử dụng định dạng unicode, điền thông tin đúng cột, dòng. Nếu không có nhu cầu đề nghị để trống, không thêm

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)